

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VŨNG LIÊM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 27/2022/HS-ST

Ngày: 09 - 6 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Thanh Huyền.

Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Ngọc Châu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 03 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Hồng T - sinh năm: 1991 tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh L; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị C; bị cáo có chồng tên: Nguyễn Văn T1 và hai con tên Nguyễn Thị Thảo A, Nguyễn Minh H1.

Tiền án: 01 tiền án: Ngày 22/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong ngày 09/11/2019.

Tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Cao Minh S**, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, huyện V, tỉnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị **Phạm Kim P**, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Kim P là: anh Cao Minh S – sinh năm: 1985. (theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2022).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, huyện V, tỉnh L.

+ Chị **Nguyễn Thị Thanh H2**, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh L.

+ Anh **Phan Văn T2**, sinh năm: 1972 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh L

+ Chị **Nguyễn Thị Thu H3**, sinh năm: 1979 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm Q, thị trấn V, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hồng T và anh Cao Minh S, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện V, tỉnh L là chủ đại lý bán bia có mối quan hệ quen biết nhau từ trước.

Vào sáng ngày 22/11/2021, T nảy sinh ý định chiếm đoạt bia của anh S để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T gọi điện thoại nói dối với anh S nội dung: Ngày 23/11/2021, T tổ chức đám sinh nhật cho con cần mua 10 thùng bia lon nhãn hiệu Tiger nâu về đãi tiệc, sau khi đám xong T sẽ trả tiền. Anh S tin tưởng lời T nói là thật nên kêu T đến nhà chở bia. Sau đó, T rủ chị Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện V, tỉnh L đến nhà anh S chở bia. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T và H2 đến nhà anh S, chị H2 ngồi trên xe mô tô đợi T, T đi một mình vào nhà gặp anh S để lấy bia. Anh S kêu T chở 04 thùng bia lon hiệu Tiger về nhà trước và giá bán mỗi thùng bia là 350.000 đồng, anh S khiêng 04 thùng bia ra để lên xe mô tô chị H2 điều khiển chở cùng T về. Trên đường về, T kêu chị H2 chở bia đến tiệm tạp hóa biển hiệu “Thành Đ” của chị Nguyễn Thị Thu H3 (B) tại Khóm Q, thị trấn V, huyện V, tỉnh L bán lại 04

thùng bia, mỗi thùng bia bán với giá 320.000 đồng và bán được với tổng số tiền là 1.280.000 đồng.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T đi một mình đến bến xe honda khách tại khu vực Trung tâm thương mại chợ Vũng Liêm thuộc thị trấn V, huyện V thuê anh Phan Văn T2, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh L làm nghề chạy xe ôm đến tiệm tạp hóa của anh S chở 06 thùng bia lon hiệu Tiger nâu đến tiệm tạp hóa của chị H3 và căn dặn anh T2 có ai hỏi về số bia thì nói T mua về đãi tiệc sinh nhật cho con và trả tiền xe trước cho anh T2 là 50.000 đồng. Ngay sau đó, T điện thoại cho anh S nói đã thuê xe ôm đến nhà anh S chở bia. Anh T2 điều khiển xe mô tô đi một mình đến gặp anh S chở 06 thùng bia lon hiệu Tiger nâu đến tiệm tạp hóa của chị H3. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T đi một mình đến tiệm tạp hóa bán số bia trên cho chị H3 với giá mỗi thùng bia là 320.000 đồng, T bán được tổng số tiền là 1.920.000 đồng.

Khoảng 08 giờ ngày 23/11/2021, T gọi điện thoại nói với anh S đang đãi tiệc bị thiếu bia, T nói anh S bán thêm 05 thùng bia lon hiệu Tiger nâu và kêu xe ôm chở, anh S đồng ý. Ngay sau đó, T gọi điện thoại kêu anh T2 đến nhà anh S chở bia đến tiệm tạp hóa chị H3 gặp T chờ trả tiền xe. Anh T2 điều khiển xe mô tô đi một mình đến gặp anh S, anh S nói chỉ còn 04 thùng bia Tiger nâu kêu anh T2 chở về cho T. Anh T2 chở 04 thùng bia về tiệm tạp hóa của chị H3 gặp T, T trả cho anh T2 100.000 đồng. T bán 04 thùng bia Tiger nâu cho chị H3 với giá mỗi thùng bia là 320.000 đồng và bán được tổng số tiền 1.280.000 đồng.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại nói dối anh S hỏi mua thêm bia, anh S thấy nghi ngờ nên hỏi địa chỉ nhà T để anh S chở bia đến giao tận nhà, T biết anh S đã nghi ngờ và sợ bị phát hiện nên T nói không mua bia nữa và tắt máy điện thoại. Anh S gọi điện thoại nhiều lần nhưng không gặp được T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 23/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vũng Liêm kết luận 14 thùng bia lon nhãn hiệu Tiger (Tiger nâu), loại 24 lon (chưa qua sử dụng) có giá trị thành tiền là 4.900.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội trong trường hợp tái phạm. Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T thành khẩn khai báo diễn biến hành vi phạm tội.

Đối với chị Nguyễn Thị Thanh H2, anh Phan Văn T2, chị Nguyễn Thị Thu H3 do không biết số bia có được là do hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Hồng T mà có, nên không xem xét truy cứu trách nhiệm.

Bản cáo trạng số: 18/CT-VKSHVL ngày 19 tháng 03 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại xong nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị buộc bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo T: Không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm.

Ý kiến của bị hại anh Cao Minh S: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Bị cáo T nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo trình bày từ ngày 22,23/11/2021 tại ấp ấp N, xã T, huyện V, tỉnh L bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của anh Cao Minh S để chiếm đoạt của anh S 14 thùng bia lon nhãn hiệu Tiger nâu có giá trị thành tiền là: 4.900.000đ. Sau đó, T đem bán lại 14 thùng bia này cho chị Nguyễn Thị Thu H3 với số tiền 4.480.000đ để tiêu xài cá nhân.

[2] Lời trình bày và khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm một cách trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường cho anh Cao Minh S giá trị thành tiền của 14 thùng bia lon nhãn hiệu Tiger nâu là: 4.900.000đ, anh S đã nhận đủ và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T: 04 (bốn) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường thiệt hại cho anh Cao Minh S xong, anh S đã nhận đủ và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Sở Tư Pháp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương